

Số: 24/NQ-HĐKĐCLGD

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục
Học viện Quản lý giáo dục**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục Học viện Quản lý giáo dục;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 18 ngày 15/3/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục của Đoàn đánh giá ngoài đối với Học viện Quản lý giáo dục. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Học viện Quản lý giáo dục theo đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Học viện Quản lý giáo dục sau thẩm định là: Các lĩnh vực đảm bảo chất lượng về chiến lược, đảm bảo chất lượng về hệ thống, đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng và kết quả hoạt động đều đạt từ mức 3,5 điểm trở lên và không tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,0 điểm (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Học viện Quản lý giáo dục cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Học viện Quản lý giáo dục theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Học viện QLGD;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC
Học viện Quản lý giáo dục
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐKĐCLGD ngày 25 tháng 3 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Lĩnh vực 1: Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,97
Tiêu chuẩn 1	4,00
Tiêu chuẩn 2	4,00
Tiêu chuẩn 3	4,00
Tiêu chuẩn 4	3,75
Tiêu chuẩn 5	4,00
Tiêu chuẩn 6	4,00
Tiêu chuẩn 7	4,00
Tiêu chuẩn 8	4,00
Lĩnh vực 2: Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,64
Tiêu chuẩn 9	3,67
Tiêu chuẩn 10	4,00
Tiêu chuẩn 11	3,50
Tiêu chuẩn 12	3,40

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Lĩnh vực 3: Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,85
Tiêu chuẩn 13	3,80
Tiêu chuẩn 14	4,00
Tiêu chuẩn 15	3,60
Tiêu chuẩn 16	3,25
Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 18	4,00
Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 20	4,00
Tiêu chuẩn 21	4,25
Lĩnh vực 4: Kết quả hoạt động	3,88
Tiêu chuẩn 22	3,75
Tiêu chuẩn 23	4,00
Tiêu chuẩn 24	4,25
Tiêu chuẩn 25	3,50

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC
Học viện Quản lý giáo dục
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐKĐCLGD ngày 25 tháng 3 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Học viện Quản lý giáo dục đã tự đánh giá và được đoàn Đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Học viện có những điểm mạnh nổi bật cần tiếp tục phát huy, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực 1: Đảm bảo chất lượng về chiến lược

Sứ mạng của Học viện đã được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Học viện; phù hợp với Chiến lược phát triển của ngành giáo dục và sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Giá trị cốt lõi đã được xác định trên cơ sở phát huy những truyền thống tốt đẹp của Học viện. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện được cải tiến quy trình xây dựng, rà soát và phát triển đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, được công bố rộng rãi qua nhiều kênh thông tin và phổ biến, quán triệt, giải thích để cán bộ, giảng viên và nhân viên thực hiện.

Hội đồng Học viện được thành lập theo quy định. Hệ thống quản trị của Học viện đã xác lập được một hệ thống văn bản bước đầu tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Học viện. Các nghị quyết/quyết định/kết luận của Hệ thống quản trị được Giám đốc chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn thực hiện. Các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị, nhân sự tham gia hệ thống quản trị đều có báo cáo tổng kết và/hoặc được đánh giá hằng năm. Trong giai đoạn đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận của Hệ thống quản trị được thành lập/điều chỉnh phù hợp với quy định. Hội đồng Học viện đang tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản thuộc phạm vi quyền hạn ban hành của Hội đồng Học viện.

Cơ cấu quản lý, vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý được quy định rõ ràng. Nhân sự tham gia cơ cấu quản lý được phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo. Việc kết nối, thu hút các bên liên quan định hướng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược được lãnh đạo Học viện quan tâm trong quá trình xây dựng Chiến lược phát triển. Cơ cấu quản lý, các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý và nhân sự tham gia vào cơ cấu lãnh đạo và quản lý được rà soát, đánh giá và cải tiến. Việc quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị, bộ phận được thực hiện theo quy định.

Kế hoạch, quy trình xây dựng Chiến lược phát triển, quy trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung được thiết lập. Chiến lược phát triển Học viện được xây dựng, điều

chỉnh, sửa đổi bổ sung để đảm bảo đạt được sứ mạng, tầm nhìn, văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong từng giai đoạn phát triển. Chiến lược phát triển đã được quán triệt và chuyển tải thành kế hoạch hành động các chương trình chiến lược và các kế hoạch năm học của Học viện và của các đơn vị để triển khai thực hiện. Trong Chiến lược phát triển, Học viện đã thiết lập các chỉ số thực hiện chính, cũng như các chỉ tiêu phân đầu chính; đã thực hiện các hoạt động để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược. Học viện đã có cải tiến trong việc lập kế hoạch chiến lược cũng như điều chỉnh các chỉ số, các chỉ tiêu thực hiện chính để đạt được các mục tiêu chiến lược.

Hệ thống xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập có đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách. Các chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên. Hệ thống văn bản được rà soát đáp ứng yêu cầu quy định pháp luật mới như Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, để từng bước xây dựng văn bản tự chủ.

Nguồn nhân lực của Học viện được quy hoạch cụ thể ở từng vị trí chức danh nghề nghiệp để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên để đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định cụ thể, được phổ biến công khai đến ứng viên, cán bộ, giảng viên và trên trang thông tin nội bộ của Học viện. Tiêu chuẩn năng lực cơ bản được xác định bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo cho từng vị trí chức danh nghề nghiệp. Nhu về đào tạo và phát triển của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên. Quy trình, tiêu chí đánh giá năng lực được lượng hóa được để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên. Kết quả đánh giá được Học viện sử dụng trong thi đua khen thưởng và làm cơ sở cho đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được Học viện rà soát, cải tiến hàng năm căn cứ trên các ý kiến đánh giá của cán bộ, giảng viên, nhân viên.

Việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng có các bộ phận chuyên trách tham mưu về quản lý tài chính và cơ sở vật chất, được thực hiện theo quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể. Các chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được ban hành và triển khai thực hiện. Nguồn lực và kế hoạch phát triển tài chính được triển khai với tỷ lệ thu/chi tăng dần. Các kế hoạch đầu tư về thiết bị công nghệ thông tin đầu tư xây mới, cải tạo cơ sở vật chất, cảnh quan của Học viện được thực hiện.

Kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được

tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Học viện được thiết lập, có các đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại, quản lý các hoạt động liên quan đến yếu tố nước ngoài. Kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được xây dựng và thực hiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Học viện. Việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ trong nước và nước ngoài được rà soát và đánh giá. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Học viện.

2. Lĩnh vực 2: Đảm bảo chất lượng về hệ thống

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập có cơ cấu rõ ràng với sự tham gia của Lãnh đạo Học viện và cán bộ quản lý các phòng, ban và đơn vị đào tạo; có các quy định rõ ràng về vai trò, trách nhiệm để đáp ứng các mục tiêu Chiến lược phát triển và Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện. Chiến lược, chính sách và sự tham gia của các bên liên quan được thể hiện trong Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện. Các bên liên quan tham gia trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục. Chiến lược phát triển Học viện và Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện; được phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược đảm bảo chất lượng theo kế hoạch. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai. Các văn bản quản lý, cơ sở dữ liệu về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục được lưu trữ có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận.

Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo được xây dựng xác định rõ nội dung hoạt động, lộ trình thực hiện; được rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện thực tế của Học viện. Hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện theo quy định. Những phát hiện và kết quả của hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài được xác định cụ thể cho các lĩnh vực hoạt động làm cơ sở xây dựng, thực hiện và giám sát kế hoạch hành động/kế hoạch cải tiến chất lượng khả thi để khắc phục những điểm tồn tại phát hiện qua quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài. Quy trình tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài được cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục. Tài liệu, minh chứng được số hóa thuận lợi cho việc tra cứu trực tuyến.

Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng và thực hiện. Hệ thống thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện được xây dựng trên nền tảng công nghệ thông tin, có cơ sở dữ liệu được lưu giữ có hệ thống, được bảo mật và đảm bảo an toàn thông tin; được rà soát, bổ sung, điều chỉnh.

Kế hoạch nâng cao chất lượng của Học viện được xây dựng, có các chính

sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; có tính liên tục với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Quy định về so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục được xây dựng và ban hành, trong đó có các tiêu chí lựa chọn đối tác; các tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng; có hướng dẫn, quy trình cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động của Học viện.

3. Lĩnh vực 3: Đảm bảo chất lượng về chức năng

Chính sách, tiêu chí tuyển sinh của Học viện được thể hiện rõ ràng trong các đề án, các thông báo tuyển sinh hàng năm và có điều chỉnh, cải tiến. Công tác giám sát, kiểm tra, hậu kiểm, thanh tra công tác tuyển sinh được Học viện thực hiện ở các khâu tuyển sinh và nhập học. Trong chu kỳ đánh giá, công tác tuyển sinh, nhập học được cải tiến, cập nhật. Đề án tuyển sinh, quy chế/quy định tuyển sinh các cấp đào tạo được xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung.

Hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần được thiết lập có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan. Hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để được thiết lập có đầy đủ quy định, văn bản hướng dẫn, công cụ, đơn vị thực hiện để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Hệ thống đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra. Quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thiết lập, được rà soát và cải tiến.

Triết lý giáo dục của Học viện được tuyên bố chính thức, có nội dung phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của Học viện; được công bố công khai, được phổ biến đến các bên liên quan. Chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ giảng viên được xác định và thực hiện. Việc phân công, giao nhiệm vụ cho cán bộ, giảng viên được thực hiện theo Đề án vị trí việc làm, dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực. Hoạt động dạy học khá đa dạng, trong giảng dạy và học tập; được giám sát và đánh giá dựa trên kết quả lấy ý kiến khảo sát mức độ hài lòng của người học về các hoạt động dạy học.

Hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học được thiết lập phù hợp trong quá trình học tập. Hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp, có quy trình rõ ràng, công bố công khai, thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá. Bước đầu đã có rà soát, đánh giá các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng, hướng tới đạt chuẩn đầu ra và hướng dẫn về việc cải tiến các loại hình và phương pháp đánh giá người học.

Các quy chế, quy định về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được xây dựng, ban hành có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân trong công tác phục vụ, hỗ trợ người học về học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Hệ thống giám sát người học được xây dựng có

phần mềm quản lý đào tạo, cơ sở dữ liệu đánh giá tiến trình học tập, kết quả học tập và nghiên cứu, phản hồi của người học. Hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học được thực hiện. Hoạt động giám sát tiến trình học tập và hiệu quả học tập của người học đã được triển khai theo quy định. Chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát được rà soát, đánh giá. Chất lượng phục vụ, hỗ trợ người học và đã có một số chỉ số cải thiện về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được cải tiến.

Hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu được thiết lập. Hệ thống văn bản quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Học viện đảm bảo quản lý hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ và những văn bản này được định kỳ cập nhật và bổ sung. Số lượng công trình nghiên cứu khoa học của Học viện được tăng lên theo các năm; các hướng nghiên cứu đa dạng và cập nhật phù hợp với điều kiện, bối cảnh thực tiễn. Công tác quản lý nghiên cứu khoa học của Học viện được các bên liên quan đánh giá. Kết quả khảo sát được sử dụng để làm căn cứ cải tiến hoạt động nghiên cứu khoa học qua từng năm. Các quy định khen thưởng, hỗ trợ cho các công bố quốc tế nhằm khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ, giảng viên trong công tác nghiên cứu khoa học được quy định rõ ràng và triển khai thực hiện.

Hệ thống văn bản quy định về quản lý, bảo hộ bản quyền và kết quả nghiên cứu tương đối đầy đủ. Danh mục đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học và chuyển giao/ ứng dụng kết quả nghiên cứu được thống kê ghi nhận, lưu trữ và quản lý đúng quy định. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được thực hiện rà soát hàng năm trong chu kỳ đánh giá.

Quy định quản lý hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được quy định rõ ràng, có bộ phận chuyên trách về công tác hợp tác và đối tác nghiên cứu. Các chính sách thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai. Các mối quan hệ hợp tác và đối tác được thiết lập, được đánh giá và cải thiện theo chiều sâu và đa dạng hóa nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác.

Kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được thiết lập để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Học viện; có các chính sách, kế hoạch thực hiện; có đầy đủ quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật; có đầy đủ nhân sự chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp. Hệ thống các chỉ số, chỉ báo được xác định để đo lường kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng. Cơ sở dữ liệu về các hoạt động phục vụ cộng đồng được thiết lập bao gồm: kế hoạch; các bên tham gia; các đóng góp cho xã hội; các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao. Hoạt động giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được thực hiện và cải tiến chất lượng.

4. Lĩnh vực 4: Kết quả hoạt động

Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học thuộc tất cả các chương trình đào tạo đại học được xác lập. Học

viện có hệ thống theo dõi, giám sát và đối sánh hằng năm; có phân tích, đánh giá xác định giải pháp giảm tỷ lệ học lại, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Tỷ lệ người học sau tốt nghiệp có việc làm ở tất cả các chương trình đào tạo được xác định, được theo dõi, giám sát, đánh giá. Các giải pháp hỗ trợ, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp cho người học được xác định. Tỷ lệ sinh viên có việc làm của Học viện luôn ổn định ở mức cao.

Hệ thống các văn bản quy định về loại hình, khối lượng nghiên cứu khoa học và quản lý tài sản trí tuệ được xây dựng, có các quy định cụ thể hình thức, khối lượng nghiên cứu khoa học cho từng chức danh giảng viên, cán bộ, nhân viên. Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá loại hình và khối lượng nghiên cứu khoa học được triển khai thực hiện. Các loại hình và khối lượng nghiên cứu khoa học, các công bố và tài sản trí tuệ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và có đối sánh để cải tiến. Kết quả nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên từng bước được triển khai ứng dụng. Kinh phí dành cho từng hoạt động khoa học công nghệ được xác lập hằng năm.

Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng phong phú về loại hình, đa dạng về hình thức, khối lượng đóng góp lớn; được quy định rõ ràng. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đã tích hợp hệ thống thu thập thông tin phản hồi, có khảo sát ngay sau mỗi khóa học. Kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến có tác động tích cực đối với xã hội, đóng góp vào sự thành công của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; có tác động tích cực đến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; chuyển đổi số đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Một số kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát bước đầu có đối sánh nhằm hướng tới điều chỉnh và cải tiến chất lượng hoạt động. Bước đầu đã có một số chỉ số kết quả về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; đã có một số đối sánh một số kết quả và chỉ số trong các lĩnh vực hoạt động.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, Học viện còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Học viện Quản lý giáo dục cần cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động theo các nhóm giải pháp sau đây:

1. Xác định rõ tầm nhìn của Học viện theo hướng phát triển đa/liên ngành dựa trên thế mạnh truyền thống của Học viện trong lĩnh vực quản lý giáo dục, trong kết nối và phục vụ cộng đồng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tích hợp các giá trị cốt lõi vào mọi quy trình liên quan đến cá nhân cán bộ, giảng viên, nhân viên như là phương pháp tuyển dụng, hệ thống quản lý hiệu suất và hiệu quả, tiêu chí thăng chức và khen thưởng, chuyển chuyển và cho nghỉ việc; đổi mới nội dung

và phương thức rà soát sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi sao cho có hiệu quả và thiết thực, khảo sát với số lượng đủ lớn để đảm bảo ý nghĩa thống kê, cần xử lý kết quả khảo sát một cách khoa học để có được những kết luận khách quan; có cơ chế giám sát hoạt động rà soát, cải tiến chất lượng để cải tiến quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa một cách có hiệu quả và phù hợp với Luật Giáo dục.

2. Các văn bản Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Học viện, Chiến lược phát triển Học viện cần đề cập đầy đủ đến việc nhận dạng, đánh giá và giải pháp giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình thực hiện Chiến lược phát triển; xây dựng cơ chế ra quyết định trong các hoạt động của Học viện, đổi mới hình thức chuyển tải các nghị quyết/quyết định/kết luận của Hệ thống quản trị đến các bên liên quan dựa trên nguyên tắc phân cấp rõ ràng, hợp thức và hiệu quả giữa Hệ thống quản trị và bộ máy quản lý do Giám đốc đứng đầu cũng như vai trò lãnh đạo của Đảng trong Học viện. Hội đồng Học viện cần định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các bộ phận của Hội đồng Học viện được quy định trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Học viện cũng như các văn bản do Hội đồng Học viện ban hành.

3. Tách bộ phận thanh tra khỏi bộ phận khảo thí để đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn; rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức thông tin, kết nối rộng rãi các bên liên quan để định hướng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục đại học tạo nên sự đồng thuận trong tư duy và hành động của cán bộ, giảng viên trong Học viện và sự ủng hộ của cộng đồng; tổ chức rà soát đánh giá một cách khách quan, khoa học về cơ cấu tổ chức hiện tại sau khi thực hiện tinh gọn và điều chỉnh để có cơ sở cho những cải tiến tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý; đa dạng hóa nguồn quy hoạch và mục tiêu quy hoạch, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển để ứng viên sớm đáp ứng những tiêu chuẩn năng lực quản lý.

4. Phát huy thế mạnh của Học viện trong công tác bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục toàn quốc, nâng tầm các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong bối cảnh tự chủ đại học và tinh thần khởi nghiệp để định hướng Chiến lược phát triển của Học viện tới những kỳ vọng của xã hội về vai trò động lực chính phát triển kinh tế - xã hội của hệ thống giáo dục đại học nói chung và phát triển giáo dục của Học viện nói riêng; ban hành kế hoạch trung hạn và ngắn hạn theo cùng một khung cấu trúc với kế hoạch hành động chiến lược làm cơ sở cho việc lập kế hoạch công tác của các đơn vị và theo dõi việc thực hiện các mục tiêu chiến lược hằng năm học; áp dụng các công cụ quản trị chiến lược và phần mềm ứng dụng để quản lý một cách nhất quán và có hệ thống các KPI của Chiến lược phát triển, kết nối chặt chẽ giữa Chiến lược phát triển với các kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học của Học viện và của các đơn vị, cá nhân; rà soát, đánh giá các KPI mà Học viện đã lựa chọn để xác định hiệu quả hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau trong từng năm học; tiếp tục cải tiến hệ thống KPI trong các lĩnh

vực hoạt động của Học viện, hạn chế các chỉ báo định tính, khó đo lường, cập nhật các KPI về tự chủ, kết nối và phục vụ cộng đồng, hợp tác trong và ngoài nước để huy động nguồn lực xã hội, hiện thực hoá các ý tưởng khởi nghiệp (entrepreneurship) thông qua việc đề xuất và hỗ trợ triển khai các đề án phát triển đối với hệ thống giáo dục nước ta từ phạm vi các cộng đồng nhỏ phường, xã đến những cộng đồng lớn hơn ở quy mô vùng và toàn quốc.

5. Cân bằng mục tiêu phục vụ cộng đồng với nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; đánh giá các hoạt động chuyển giao chương trình và công nghệ dạy học; ban hành quy trình xây dựng, phát triển chương trình đào tạo liên ngành và chương trình bồi dưỡng mới từ nhu cầu của thị trường khi mở ngành mới, chương trình bồi dưỡng mới; tăng cường mức độ tham gia của tổ chức Đảng và các Hội đồng trong việc xây dựng, giám sát thực hiện các chính sách lớn của Học viện; xây dựng quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng cho cán bộ, viên chức và người học để làm rõ những đặc trưng của Học viện về khoa học quản lý hiện đại trong giai đoạn tới; bổ sung, cập nhật các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo kết luận của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; xây dựng các đề án lớn để tập trung phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý trong giai đoạn tới.

6. Đảm bảo tính đồng bộ trong việc quy hoạch phát triển nguồn nhân lực bao gồm: quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân lực; bổ sung quy định về tỉ lệ học hàm, học vị phù hợp với yêu cầu của từng vị trí việc làm, của từng ngành đào tạo hiện có của Học viện; xây dựng kế hoạch, triển khai công tác tuyển dụng nguồn lực đáp ứng cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Học viện, xây dựng các quy định đặc thù để thu hút, tuyển dụng được những cán bộ, giảng viên đầu ngành, có trình độ chuyên môn cao; ban hành văn bản quy định về các tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kĩ năng lãnh đạo) của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên với yêu cầu mới về chỉ số đổi mới sáng tạo và năng lực số; thường xuyên khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực, kỹ năng cho từng vị trí; sử dụng công cụ hiện đại để đánh giá hiệu quả công việc, bình xét thi đua khen thưởng để khuyến khích giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng.

7. Rà soát, điều chỉnh chỉ tiêu phát triển nguồn thu, có lộ trình đa dạng nguồn thu; ổn định và tăng nguồn thu từ đào tạo bằng cách tăng số lượng các chương trình đáp ứng nhu cầu xã hội; xây dựng, áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật để xác định chi phí, mức thu học phí tương xứng; tăng các khoản chi cho nghiên cứu khoa học; tăng cường đầu tư điều kiện các giảng đường, trang bị điều hòa, thay thế máy chiếu, nâng cấp mạng wifi; xây dựng các tiêu chí và quy trình cho hoạt động đánh giá hiệu quả đầu tư và sử dụng các nguồn lực cơ sở vật chất, công nghệ thông tin và các tài sản khác; áp dụng chuyển đổi số, nâng cấp hạ tầng và các phần mềm ứng dụng phục vụ chuyển đổi số để đáp ứng yêu cầu quản lý và quản trị; tăng cường đầu tư thư viện theo hướng xây dựng hệ sinh thái học tập, đảm bảo kết nối hiệu quả “lớp học/thầy, trò/thư viện”, coi trọng “dịch vụ thông

tin”; tăng cường nguồn tài liệu số hóa; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện; bổ sung tài liệu.

8. Xây dựng tiêu chí lựa chọn đối tác; quy trình rà soát đánh giá mạng lưới đối tác; cần xác định cụ thể đối tác chiến lược trong kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; xây dựng các chế độ, chính sách cụ thể để khuyến khích các đơn vị, cá nhân trong thúc đẩy các hoạt động hợp tác; đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại thuộc Học viện và trong từng đơn vị; tăng cường nhóm đối tác tham gia các nhóm nghiên cứu và dự án, trọng tâm là hấp thụ văn hóa quản trị tiên tiến từ các nước; xây dựng các chính sách đối ngoại phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Học viện, trong đó quan tâm đến việc duy trì, phát triển và nuôi dưỡng các nguồn thu qua các hoạt động đối ngoại góp phần vào mục tiêu xây dựng Học viện tự chủ.

9. Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn về các hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong tham gia các lớp bồi dưỡng kiểm định viên để nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục nội bộ; xác định rõ chính sách ưu tiên cho các hoạt động đảm bảo chất lượng theo kế hoạch; chú trọng đến hoạt động tập huấn nâng cao năng lực hệ thống đảm bảo chất lượng trong đó có hoạt động phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên về đảm bảo chất lượng giáo dục; xây dựng kế hoạch phổ biến, triển khai kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng giáo dục để các hoạt động đảm bảo chất lượng được lan tỏa rộng rãi đến các bên liên quan bên trong Học viện; rà soát quy định về việc lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng; giao cho Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra là đơn vị đầu mối trong việc lưu trữ tài liệu hướng dẫn, phổ biến cho cán bộ, giảng viên và người học về các chính sách, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng giáo dục; sử dụng bộ chỉ số KPIs để đo lường và đánh giá kết quả công tác đảm bảo chất lượng; đánh giá đầy đủ, khách quan theo các chỉ số, chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động đảm bảo chất lượng; rà soát quy trình lập kế hoạch, xác định, điều chỉnh các chỉ số thực hiện và các chỉ tiêu phân đầu chính của các Chiến lược phát triển Học viện và Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục chưa được rà soát, đánh giá và cải tiến.

10. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục, đảm bảo các hoạt động tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài thực hiện đúng lộ trình đã được xác định; tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên chuyên trách về đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện; cử cán bộ, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng giáo dục, đủ năng lực triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục; xác định và phân tích những điểm tồn tại trong nội dung mô tả tiêu chí sát với nội hàm, yêu cầu và mức chuẩn tiêu chí làm cơ sở lập kế hoạch phù hợp để cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị đánh giá ngoài, chú ý đến hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm cải tiến quy trình tự đánh giá phù hợp với việc số hóa và sử dụng phần mềm hỗ trợ.

11. Rà soát, cập nhật quy định, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong Học viện; thể hiện đầy đủ các hoạt động thu thập, xử lý, báo cáo, lưu trữ dữ liệu của hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong của Học viện sử dụng phần mềm chuyên dụng hỗ trợ hoạt động khảo sát, xử lý, tổng hợp kết quả, hỗ trợ tổng hợp báo cáo lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, có biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh cho hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; định kỳ rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện; tổ chức lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan về hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, về số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin; rà soát, đánh giá và cải tiến chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý đảm bảo chất lượng bên trong; phân tích, đánh giá nguyên nhân những tồn tại và đề xuất giải pháp sử dụng hiệu quả trong việc hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

12. Bổ sung đầy đủ các nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính vào kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục hằng năm, nâng cao tính khả thi và chất lượng các lĩnh vực hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả; tổ chức các hội nghị, hội thảo phổ biến, hướng dẫn sử dụng các quy định so chuẩn và đối sánh chất lượng; phân tích, đánh giá và sử dụng kết quả so chuẩn và đối sánh vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; thực hiện so chuẩn, đối sánh các hoạt động theo các quy định của Học viện về tiêu chí và nội dung so chuẩn, đối sánh ở cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo; sử dụng kết quả đối sánh để tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng; đánh giá đầy đủ và cải tiến các quy định về lựa chọn sử dụng so chuẩn và đối sánh chất lượng của Học viện; phân tích, đánh giá, cải tiến các tiêu chí, nội dung, quy trình so chuẩn, đối sánh.

13. Khảo sát, phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hằng năm trước khi xây dựng đề án/kế hoạch tuyển sinh để xác định chỉ tiêu cũng như chính sách mỗi ngành thực tế hơn, giảm bớt tình trạng một số ngành tỷ lệ sinh viên nhập học so với chỉ tiêu tuyển sinh thấp, nhưng một số ngành lại vượt quá cao; ban hành quy trình/quy định/kế hoạch giám sát công tác tuyển sinh và nhập học; cần xem lại quyền/việc phân công trách nhiệm giám sát công tác tuyển sinh trong các quy chế tuyển sinh để phù hợp với quy định; phân tích, đánh giá kết quả giám sát hoạt động tuyển sinh và nhập học hằng năm để nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các rủi ro trong hoạt động giám sát tuyển sinh và nhập học.

14. Rà soát, hoàn thiện, hệ thống hóa văn bản quy định, hướng dẫn, biểu mẫu, phân công trong thiết kế, phát triển chương trình dạy học, trong xây dựng rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần của tất cả các trình độ đào tạo của Học viện; văn bản hóa một cách đầy đủ và hệ thống các chương trình dạy học, đề cương chi tiết môn học/học phần của tất cả các chương trình đào tạo, các trình độ đào tạo, lưu giữ thuận tiện cho tiếp cận, khai thác của người học; chú trọng việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà

soát chương trình dạy học; ban hành quy định về việc rà soát quy trình này và thực hiện theo quy định; định kỳ rà soát đồng bộ các chương trình dạy học ở các trình độ đào tạo của Học viện, đảm bảo chu kỳ theo quy định; lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình dạy học, chuẩn đầu ra một cách hệ thống, khoa học, có câu hỏi rõ ràng và trực tiếp; kết quả khảo sát cần được tổng hợp, phân tích và viết thành báo cáo.

15. Hoàn thiện văn bản quy định, hướng dẫn việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp triết lý giáo dục và để đạt chuẩn đầu ra; xây dựng chiến lược và chính sách thu hút đội ngũ giảng viên trong trung hạn và dài hạn; chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng ở tất cả các ngành và chương trình đào tạo của Học viện; có giải pháp khuyến khích và hỗ trợ giảng viên, người học sáng tạo, đề xuất và triển khai các hoạt động học tập đa dạng, ứng dụng các phương pháp và công nghệ giáo dục hiện đại; tổ chức lấy ý kiến người học trong khảo sát môn học một cách thiết thực, hiệu quả và sử dụng tốt các kết quả khảo sát để điều chỉnh các hoạt động dạy và học và cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học.

16. Nghiên cứu, đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của các phương pháp kiểm tra đánh giá người học trong thiết kế và rà soát hoạt động đánh giá người học; phân tích kết quả kiểm tra đánh giá người học, sự tác động của các hình thức kiểm tra đánh giá người học định kỳ bằng các công cụ hiện đại, hiệu quả; ban hành quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá người học và thực hiện một cách khoa học, có kiểm chứng trước khi áp dụng.

17. Rà soát, ban hành đầy đủ các văn bản quản lý hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học; xây dựng kế hoạch tổng thể hỗ trợ, phục vụ người học để kết nối các đơn vị trong Học viện với nhau nhằm thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng đồng thời đóng góp vào việc đáp ứng chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo trong Học viện; rà soát, phân tích, đánh giá các hoạt động giám sát, phục vụ và hỗ trợ người học định kỳ và sau mỗi hoạt động để có các đề xuất cải tiến; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giám sát, phục vụ và hỗ trợ người học.

18. Xác định các giải pháp thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra cụ thể hơn; đối sánh các chỉ số khoa học công nghệ giữa các đơn vị trong Học viện và các cơ sở giáo dục đại học khác làm cơ sở cho việc xây dựng phương hướng, nhiệm vụ các năm tiếp theo, tiến tới hiện thực hóa tiềm năng của Học viện; đầu tư nguồn lực cho nhóm nghiên cứu mạnh hoạt động hiệu quả và cân đối các nguồn ngân sách để tăng thêm mức kinh phí chi cho các nghiên cứu đỉnh cao nhằm động viên, khuyến khích cán bộ, giảng viên tích cực nghiên cứu; rà soát, điều chỉnh các chỉ số thực hiện chính rõ ràng và định lượng; phân tích kết quả rà soát, đánh giá việc thực hiện các KPIs để có những đề xuất, điều chỉnh các kế hoạch khoa học công nghệ phù hợp hơn cho từng giai đoạn; thường xuyên khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đủ các đối tượng hơn về các hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện để tạo lập cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn cho việc cải tiến

nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và phát kiến khoa học của Học viện; thường xuyên cập nhật các văn bản quản lý cho phù hợp với thực tiễn công tác quản lý khoa học của Học viện.

19. Rà soát, đối chiếu với các văn bản quy định của Nhà nước để hoàn thiện Quy chế quản lý hoạt động sở hữu tài sản trí tuệ, đảm bảo Quy chế bao quát được đầy đủ các mặt khác nhau của công tác quản lý tài sản trí tuệ của Học viện; cập nhật các sản phẩm là tài sản trí tuệ của Học viện, nhất là các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ đã được nghiệm thu, công bố và được lưu trữ tại Trung tâm Thông tin Thư viện; rà soát hệ thống quản lý tài sản trí tuệ một cách thường xuyên, toàn diện hơn, nhất là việc tổ chức hội nghị chuyên đề về công tác sở hữu trí tuệ của một giai đoạn trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển Học viện; thường xuyên cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ của Học viện; thực hiện khảo sát sự hài lòng các bên liên quan về quản lý tài sản trí tuệ của Học viện một cách thường xuyên, khoa học với các chỉ báo cụ thể để đánh giá đúng sự hài lòng của các bên liên quan với công tác quản lý tài sản trí tuệ.

20. Quan tâm hơn đến lĩnh vực hợp tác đối tác nghiên cứu khi xây dựng các KPIs về hợp tác đối tác; cụ thể hoá giải pháp, kết quả trong việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học cần đảm bảo tính cụ thể, khả thi hơn và mang lại hiệu quả thiết thực cho Học viện; rà soát và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch thúc đẩy phát triển hợp tác và đối tác nghiên cứu; tăng số lượng chương trình liên kết đào tạo và hợp tác nghiên cứu để phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và tiềm năng, lợi thế của Học viện; xây dựng bộ chỉ số khoa học và quy trình chuẩn cho việc rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các quan hệ hợp tác, đối tác trong nghiên cứu khoa học; rà soát, đánh giá tính hiệu quả của từng mối quan hệ hợp tác và từng đối tác cụ thể để có chiến lược và giải pháp điều chỉnh các mối quan hệ hợp tác và xây dựng đối tác chiến lược; có giải pháp hữu hiệu để cải thiện về hiệu quả trong các quan hệ hợp tác, đối tác nghiên cứu khoa học; thúc đẩy sự hợp tác phát triển các đề tài, dự án khoa học với các đối tác là các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài nước, với các doanh nghiệp tiềm năng nhằm phát huy hết thế mạnh của Học viện; định kỳ đánh giá kết quả về hợp tác và đối tác nghiên cứu để từ đó xây dựng chiến lược mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác nghiên cứu.

21. Rà soát quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Học viện bổ sung chức năng nhiệm vụ triển khai, giám sát và đánh giá các hoạt động phục vụ cộng đồng, nhằm thể chế hóa nhiệm vụ này; đánh giá các hoạt động cụ thể phục vụ cộng đồng thể hiện qua các chương trình bồi dưỡng với các địa phương thông qua ý kiến phản hồi từ các địa phương để xác định mức độ hài lòng của đối tác để xây dựng chiến lược kết nối bền vững; xây dựng kế hoạch hoạt động tình nguyện, thiện nguyện của công đoàn, đoàn thanh niên với phạm vi triển khai rộng hơn; xây dựng phần mềm kết nối với cựu sinh viên. Các chương trình tư vấn chính sách cần chủ động hướng vào mục tiêu phát triển bền vững.

22. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ thôi học các chương trình đào tạo của với các chương trình đào tạo cùng ngành của một số

cơ sở đào tạo trong nước và với quốc tế; khảo sát tỷ lệ thăng tiến/chuyển đổi việc làm của người học trình độ thạc sĩ; đối sánh tỷ lệ người học có việc làm với các cơ sở giáo dục trong nước có cùng chương trình đào tạo và khảo sát tỷ lệ người học có việc làm sau 03 năm tốt nghiệp của các chương trình đào tạo; tăng số lượng khảo sát và các bên liên quan và thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học sau tốt nghiệp; có biện pháp cải tiến kịp thời, phù hợp để giảm tỷ lệ người học tốt nghiệp quá hạn đang rất cao.

23. Rà soát các văn bản quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học, bổ sung các chỉ số về loại hình và số lượng nghiên cứu; hướng dẫn cụ thể về việc đối sánh về loại hình, khối lượng nghiên cứu khoa học qua các năm học với các trường đại học trong và ngoài nước; thực hiện phân tích, đánh giá để có biện pháp cải tiến số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên; có chính sách hấp dẫn và phù hợp hơn để khuyến khích, hỗ trợ giảng viên, nghiên cứu viên nghiên cứu, đặc biệt là hỗ trợ công bố bài báo trên các tạp chí thuộc hệ thống ISI/SCOPUS; tổ chức đối sánh loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học của Học viện với người học ở các cơ sở giáo dục đại học khác; có thêm các chính sách ưu đãi thích hợp để khuyến khích, động viên người học nhiệt tình tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; xây dựng tiêu chí và quy trình đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các công bố khoa học; định kỳ đánh giá tính hiệu quả của các giải pháp được áp dụng nhằm thúc đẩy sự phát triển các loại hình, số lượng tài sản trí tuệ; có kế hoạch phân bổ kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp của Học viện ưu tiên đầu tư nhiều hơn cho thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; đối sánh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện với các trường đại học khác và trên cơ sở kết quả đối sánh, thực hiện phân tích, đánh giá để có biện pháp cải tiến nâng cao số lượng công bố khoa học; hằng năm khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với kết quả nghiên cứu và sáng tạo, bao gồm việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao của Học viện với đầy đủ các chỉ báo cần thiết để thu thập những ý kiến có hàm lượng chất xám phục vụ cho việc cải tiến và phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và người học.

24. Xây dựng chiến lược với mục tiêu cụ thể cho từng nhóm việc và đối tượng tham gia, nguồn lực tương ứng, đơn vị phối hợp để thực hiện công tác kết nối và phục vụ cộng đồng phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và nguồn lực của Nhà trường; xác định mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội thể hiện cụ thể trong các kế hoạch phát triển, kế hoạch nhiệm vụ năm học, có hướng dẫn và kế hoạch triển khai phù hợp. Trong các kế hoạch chiến lược, cần có luận cứ đầy đủ về tác động đối với từng đối tượng để thực hiện việc giám sát, đối sánh và cải tiến; thể hiện rõ ràng mức độ tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong các văn bản kế hoạch và báo cáo đánh giá; cải tiến nội dung bảng hỏi theo hướng sử dụng các công cụ mạnh để khảo sát, lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan để có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

25. Chú trọng xác lập kết quả và các chỉ số về tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng trong kế hoạch/chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của Học viện; thực hiện đối sánh, thu thập và phân tích thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số về tài chính một cách hệ thống; thiết lập cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính; sử dụng hiệu quả thông tin đối sánh và phản hồi trong cải tiến chất lượng hoạt động và hoạch định kế hoạch phát triển Học viện trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; nghiên cứu và sớm xác lập kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của Học viện; giám sát, đối sánh, thu thập thông tin phản hồi, hình thành cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động và phát triển Học viện.

Trên đây là kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 25 nhóm giải pháp. Học viện Quản lý giáo dục cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Học viện cần báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.